

QUAN SÁT XÃ HỘI HỌC VỀ BIẾN ĐỔI XÃ HỘI Ở MỘT LÀNG VIỆT CỔ TRUYỀN CHÂU THỔ SÔNG HỒNG SAU HAI MƯƠI NĂM ĐỔI MỚI^(*)

NGUYỄN ĐỨC CHIẾN^(**)

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Làng Việt là chủ đề thu hút sự quan tâm của các học giả trong và ngoài nước từ nhiều thập niên thế kỷ XX. Đã có nhiều cuộc tranh luận về làng ở Việt Nam trên các chiều cạnh khác nhau. Người ta cũng tranh luận về các vấn đề kinh tế, chính trị, đạo đức ở làng Việt Nam và cũng có một số cuộc tranh luận liên quan đến những thay đổi hay biến đổi ở làng Việt.

Khi bàn về những biến đổi ở làng Việt Nam, một số học giả cho rằng "Cuộc sống của nông dân Việt Nam ít thay đổi trong một ngàn năm qua. Người nông dân vẫn gieo trồng mùa màng theo những kiểu mẫu và truyền thống lâu đời. Anh ta hiểu vai trò và vị trí của mình trong cơ cấu xã hội của nền văn hóa trồng lúa này... Đời sống không thay đổi, bất kể sâu trong chu

trình bất tận..." (trích theo John Lê Văn Hóa 2003, tr. 43). Nhưng đối với John Kleinen khi điểu lại các nghiên cứu về làng ở Việt Nam, ông chỉ ra rằng: "Trong phần lớn các công trình nghiên cứu về nông thôn Việt Nam, đặc biệt là các công trình về nông thôn miền Bắc, làng thường được coi như là nơi sống ẩn nhẫn của những người dân quê. Sau lũy tre làng, từ thời xa xưa, các truyền thống được giữ nguyên vẹn. Người nông dân thì được mô tả như những người mộc mạc, thẳng thắn và bảo thủ. Văn hóa làng và các phong tục làng được coi là mang tính nội tại và mang tính truyền thống sâu sắc. Điều quan trọng là John Kleinen cũng chỉ ra rằng các ấn tượng như vậy là sai lầm. Và càng sai lầm hơn nếu căn cứ vào các ấn tượng này mà cho rằng không có các thay đổi xã hội ở nông thôn Việt Nam. Theo John Kleinen, làng Việt Nam đã trải qua những thay đổi sâu sắc. Đôi khi những thay đổi này diễn ra chậm đến mức mà để biết được nó, người ta phải xem xét một khoảng thời gian rất dài cùng với vô vàn các sự kiện lịch sử nói chung cũng như lịch sử Việt Nam nói riêng"(John Kleinen 2002, tr. 292).

(*) Bài viết được hoàn thành trong khuôn khổ đề tài cấp Nhà nước *Các khía cạnh xã hội và môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa* (KX. 02.10). Tác giả trân trọng cảm ơn PGS.TS. Bùi Thế Cường đã có nhiều gợi ý và góp ý trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện bài viết.

(**)Thạc sĩ. Viện Xã hội học. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

Vậy làng Việt hiện nay biến đổi ít hay nhiều? Nó ít biến đổi như John Lê Văn Hóa trích dẫn hay nó đang biến đổi sâu sắc như Kleinen đã nhận xét trước đây? Những tác động mạnh mẽ từ bên ngoài vào khoảng hai thập niên gần đây ảnh hưởng đến không gian và các khuôn mẫu xã hội ở làng như thế nào? Những khuôn mẫu xã hội “cũ-truyền thống” còn tồn tại hay là đang trong quá trình giải thể để đi đến khuôn mẫu xã hội “mới-hiện đại”? Các nhóm xã hội tham gia tiếp nhận, chấp nhận và không chấp nhận các khuôn mẫu xã hội “cũ và mới” như thế nào?

Dựa vào nguồn tài liệu thống kê, quan sát và ghi chép khi tôi tham gia cùng các đồng nghiệp Viện Xã hội học nghiên cứu ở làng Liên Đàm từ năm 1998 đến 2006 về các chủ đề: *chuyển đổi cơ cấu lao động nghề nghiệp và phân hóa mức sống; thanh niên và hôn nhân gia đình; kinh tế hộ và quan hệ cộng đồng; sắp xếp cuộc sống người cao tuổi; trường thôn và việc giải quyết mối quan hệ giữa lệ làng và phép nước*; bài viết này đưa ra dẫn chứng minh họa một số biến đổi về tổ chức sản xuất, di động nghề nghiệp và thu nhập; hiện đại hóa nhà ở, tiện nghi sinh hoạt và hành vi chăm sóc sức khỏe từ khi chính sách Đổi mới (1986) áp dụng tại Liên Đàm - một làng cổ truyền ở ngoại ô Hà Nội thuộc khu vực châu thổ sông Hồng.

2. ĐỊA BÀN, PHƯƠNG PHÁP VÀ Ý NGHĨA NGHIÊN CỨU

Từ đường quốc lộ 1A, đoạn phân định ranh giới Hà Nội và Bắc Ninh rẽ trái 1,5km là đến làng Liên Đàm thuộc xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Vị trí địa lý Liên Đàm nằm phía

cuối huyện Gia Lâm; phía Đông Bắc giáp xã Dục Tú, huyện Đông Anh-Hà Nội và xã Châu Khê, huyện Từ Sơn-Bắc Ninh; phía Tây Nam giáp với 3 làng thuộc xã Yên Thường (Lại Hoàng, Yên Khê, Đỗ Xá). Sau hai mươi năm đổi mới, kinh tế Liên Đàm rất phát triển, là một trong những địa phương có mức sống cao so với các làng khác trong cùng xã. Các chỉ báo phản ánh mức sống như sau: về nhà ở và tiện nghi gia đình: nhà cao tầng (2 tầng trở lên) có 170 hộ; nhà mái bằng (1 tầng) 135 hộ. Số hộ có khu phụ mới (tự hoại) 180 hộ, bán tự hoại 100 hộ (nhà tắm có vòi hoa sen bình nóng lạnh, nhà vệ sinh tự hoại). Số còn lại là hộ gia đình có nhà xây mái ngói, và sử dụng khu phụ đơn giản. 100% hộ đã sử dụng giếng khoan, không còn hộ sống trong nhà tranh. Phương tiện đi lại: ô tô: 8 chiếc, xe máy: 436 chiếc; hầu hết các hộ gia đình có tivi, đầu video và dàn nghe nhạc, điện thoại bàn: 284 chiếc, di động: 225 chiếc, số hộ gia đình có máy giặt: 50; máy tính: 30, trong đó 5 máy nối mạng.

Liên Đàm là địa phương đã xây dựng được quy ước làng hay còn gọi là hương ước mới, được công nhận làng văn hóa cấp thành phố. Mức thu nhập bình quân đầu người một tháng của Liên Đàm khoảng 650.000đ/ người (số liệu thống kê tháng 12/ 2006 do trường thôn cung cấp).

Phương pháp quan sát tham dự, phỏng vấn sâu cá nhân là phương pháp chủ đạo trong nghiên cứu này; cùng với nguồn dữ liệu bổ sung từ kết quả thống kê do chính quyền địa phương cung cấp. Vì nhiều lý do, nghiên cứu này cũng không tránh khỏi những khó khăn⁽¹⁾.

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu và nhận diện các tác nhân xã hội dẫn đến xuất hiện khuôn mẫu xã hội mới ở làng; nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng nhằm đánh giá sự tham gia thích ứng và không thích ứng với khuôn mẫu xã hội cũ mới của các nhóm xã hội. Mặt khác nó cũng hàm ý cho việc đánh giá và kiểm định một tác nhân xã hội quan trọng: "chính sách Đổi Mới" được thể nghiệm ở Liên Đàm - một cộng đồng nông thôn Việt Nam sau hai mươi năm Đổi Mới.

3. ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ NHỮNG BIẾN ĐỔI ĐANG DIỄN RA Ở LÀNG

Những thay đổi chính sách trong nông nghiệp, nông thôn, và nông dân thời gian qua⁽²⁾ được xem như là tác nhân có tính chất quyết định đối với sự chuyển đổi các khuôn mẫu xã hội ở một cộng đồng nông thôn: tổ chức sản xuất, di động nghề nghiệp và thu nhập; hiện đại hóa nhà ở, tiện nghi sinh hoạt và hành vi chăm sóc sức khỏe. Các dẫn chứng và phân tích dưới đây sẽ đề cập đến sự xuất hiện và tham gia: thích ứng/không thích ứng, chấp nhận/phản kháng các khuôn mẫu xã hội của các nhóm xã hội ở Liên Đàm.

3.1. Tổ chức sản xuất, di động nghề nghiệp và thu nhập

Khuôn mẫu tổ chức sản xuất của 3 nhóm hộ gia đình

Thay đổi khuôn mẫu tổ chức sản xuất là một trong những thay đổi quan trọng có tính quyết định đến sự biến đổi ở làng Liên Đàm sau hai mươi năm Đổi Mới. Thông tin phỏng vấn và quan sát cho thấy trước năm 1986 phần lớn hộ gia đình trong làng theo mô hình sản xuất thuần nông, nhưng sau

Đổi Mới hình thành nhiều mô hình /khuôn mẫu sản xuất mới với chiến lược sản xuất và kinh doanh khác nhau. Dưới đây chúng tôi đề cập đến 3 kiểu tổ chức sản xuất phổ biến ở hộ gia đình.

Trường hợp 1: hộ gia đình phi nông. Gia đình 4 nhân khẩu. Chồng làm thợ cơ khí cho 1 công ty trách nhiệm hữu hạn, vợ buôn rau quả ở Hà Nội, 1 con trai 23 tuổi, trung cấp điện tử, mở dịch vụ sửa chữa đồ điện tại nhà, 1 con gái 17 tuổi, học sinh. Thu nhập của gia đình từ 4,5 đến 5 triệu đồng/tháng. Hộ được chia 6 sào ruộng, nhưng cho người thân gia đình mượn. Không làm ruộng vì cho rằng "làm ruộng vất vả không có lãi" (nữ, 42 tuổi, chủ hộ, kinh tế khá).

Trường hợp 2: hộ gia đình kiêm nghiệp. Gia đình có 5 nhân khẩu. Vợ buôn bán thực phẩm (thịt lợn), chồng làm ruộng, con trai lớn 19 tuổi thợ xây, 2 con gái đang học. Gia đình được chia 7 sào ruộng. Nguồn thu chính của gia đình từ hoạt động ngoài nông nghiệp 2,5 triệu đồng/tháng. Gia đình không tập trung làm ruộng. "Phí đầu tư 1 sào; tiền giống: 13.000đ, phân bón: 80.000đ, thuốc trừ sâu cỏ: 3000đ, thuê cày bừa: 45.000đ, thuê cấy: 40.000đ, làm cỏ: 15.000đ, gặt: 50.000đ, tuốt lúa: 15.000đ, vận chuyển 20.000đ, nước tưới: 15.000đ, bảo vệ đồng: 15.000đ. Tiền giống mới, phân bón vẫn còn cao, trong khi giá thóc gạo quá thấp, hơn nữa ruộng ít, mỗi chỗ một mảnh. Buôn bán thu nhập có hơn làm ruộng nhưng mang tính nhất thời thôi, được ngày nào biết ngày đó, mình là nông dân vẫn phải gắn với ruộng đồng" (nam, 43 tuổi, chủ hộ, mức sống khá).

Trường hợp 3: hộ gia đình thuần nông. Gia đình có 5 nhân khẩu, được chia 7 sào ruộng, thuê thêm 1 mẫu ruộng (trồng rau và cây ăn quả). Con gái thứ nhất 19 tuổi, con gái thứ hai 17 tuổi, con trai út 15 tuổi, cả ba chị em đã thôi học. Nguồn thu của gia đình từ hoạt động sản xuất nông nghiệp (trồng cây khế, táo và nuôi gà đẻ). Thu nhập của gia đình 1,5 triệu đồng/tháng. “Chăn nuôi hiện nay lấy công làm lãi, chi phí đầu tư ban đầu nhiều nhưng thu về ít, nuôi không khéo gặp dịch bệnh thì mất hết. Tiền giống, thức ăn, thuốc phòng dịch giá cao, nhưng giá thịt, trứng không tăng” (nam, 48 tuổi, chủ hộ, mức sống trung bình).

Thông tin trên cho thấy sự đa dạng khuôn mẫu tổ chức sản xuất ở làng hiện nay. Cùng được hưởng cơ chế chính sách như nhau nhưng mỗi hộ do điều kiện và khả năng riêng mà phát triển kinh tế theo các khuôn mẫu sản xuất khác nhau. Có ba khuôn mẫu phổ biến. Kiểu 1, chấp nhận phi nông nghiệp và từ chối nông nghiệp, hình thức tổ chức sản xuất hướng đến các việc làm ngoài nông nghiệp. Kiểu 2, khuôn mẫu kiêm nghiệp, chấp nhận cả nông nghiệp và phi nông. Tuy nhiên, trong nhóm này có xu hướng phân đôi, một số hướng chủ yếu đến nông nghiệp và một số hướng nhiều về phi nông nghiệp. Kiểu 3, hộ thuần nông, chấp nhận nông nghiệp, tổ chức sản xuất gia đình tập trung khai thác lĩnh vực nông nghiệp do không thích ứng khuôn mẫu phi nông. Theo một cán bộ làng ước tính, có đến 85% hộ gia đình theo khuôn mẫu kiêm nghiệp, trong khi chỉ có khoảng 10% hộ gia đình phi nông và 5% hộ gia đình thuần nông.

Ruộng đất nông nghiệp: tính thế lương nan của hộ

Từ thông tin trên cũng cho thấy rõ tình hình phân bố và sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình ở Liên Đàm. Theo ông trưởng thôn làng này, trung bình mỗi hộ sở hữu khoảng 2000m² nhưng lại phân bố từ 7 đến 8 mảnh. Cách phân chia đất manh mún nhỏ lẻ đảm bảo công bằng, ban đầu làm thỏa mãn tâm lý nông dân nhưng về sau bộc lộ nhiều khó khăn trong sản xuất nông nghiệp. Hiện nay dư luận xã hội không ít ý kiến đang bàn tán về hình thức phân chia đất theo kiểu này⁽³⁾; “với mảnh ruộng chồ ngòi ló đuôi như hiện nay không thể làm gì được” (nam, nông dân, 45 tuổi).

Những quan sát tham dự cho thấy thái độ ứng xử mới của nông dân và nó trở thành khuôn mẫu phổ biến ở làng hiện nay là hầu hết hộ gia đình phi nông và kiêm nghiệp không quan tâm hoặc ít quan tâm đến ruộng đất. Họ phát triển nông nghiệp theo hướng cầm chừng, không đầu tư hoặc đầu tư ít. Điều ngạc nhiên là họ vẫn kiên quyết giữ ruộng, hiếm thấy hiện tượng nông dân mạo hiểm bán hoặc chuyển nhượng ruộng đất cho người khác. Mặc dù gần đây Nhà nước có chính sách khuyến khích việc “dồn điền đổi thửa” giữa các hộ nhằm cải thiện tình trạng manh mún đất đai, nhưng thực tế vẫn hiếm khi xảy ra hình thức trao đổi ruộng đất giữa các nông hộ. Quan sát cũng cho thấy bắt đầu nảy sinh hiện tượng thuê mượn đất giữa các nông hộ. Hộ thuần nông thường ưu tiên đối tượng là người cùng gia đình hoặc cùng họ hàng. Thời gian cho thuê mượn đất chỉ giới hạn từ 2 đến 3 năm vì

tâm lý sợ buôn bán thất cơ lỡ vận sẽ phải quay về với ruộng đồng.

Tóm lại, cho dù đất đai nông nghiệp không mang lại sinh lợi cho kinh tế hộ gia đình nhưng người dân vẫn quyết tâm giữ ruộng và khẳng định thân phận là nông dân. Họ đứng trong tính thế lưỡng nan. Nhiều hộ gia đình phi nông nghiệp, cho dù thành viên gia đình đã dành thời gian tham gia lao động lĩnh vực ngoài nông nghiệp nhưng vẫn được chia phần ruộng. Trong các cuộc phỏng vấn, khi hỏi nghề nghiệp hiện nay, họ vẫn khẳng khái khẳng định thân phận là "nông dân". Sở dĩ người nông dân có ứng xử như vậy là do đầu vào và đầu ra của sản xuất. Theo dõi thị trường các mặt hàng liên quan đến sản xuất nông nghiệp cho thấy rõ sự biến động giá cả thị trường (giá xăng dầu, điện, máy sản xuất, giống cây con, thức ăn gia súc, phân bón và các loại thuốc bảo vệ động thực vật giá cao và tăng vọt theo thời gian, trong khi giá nông sản như gạo, thịt gia súc gia cầm vẫn còn thấp; hơn nữa tiêu thụ gặp nhiều khó khăn⁽⁴⁾). Sản xuất nông nghiệp ít hiệu quả kinh tế, dẫn đến tình trạng nông dân thờ ơ với ruộng đất và hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Tiếp nhận tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp: hào hứng và thờ ơ của các nông hộ

Cũng như nhiều làng xã khác, phong trào chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp được triển khai vào đầu những năm 1960 (thời kỳ hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc). Sau nhiều năm phong trào này cũng thu được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, hạn chế của cơ chế tổ chức sản xuất đã ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng ứng dụng tiến bộ kỹ

thuật mới vào sản xuất. Chẳng hạn, hình ảnh những chiếc máy cày (trâu sắt) han rỉ nằm bất động trong nhà kho, và nhiều thửa ruộng đất màu mỡ nhưng không đem lại năng suất cao là hiện tượng đáng suy nghĩ về thời kỳ hợp tác xã.

Sau Đổi Mới, chính sách "khoán 10" cho phép hộ gia đình nông dân chủ động trong hoạt động sản xuất, bao gồm cả tiếp nhận tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp. Ở làng nổi lên phong trào tìm hiểu và đầu tư giống cây con, phân bón, thức ăn công nghiệp nuôi gia súc, các loại máy móc và kỹ thuật sản xuất mới. Tuy nhiên, quan sát cho thấy sự tiếp nhận, ứng dụng (thích ứng/ không thích ứng) giữa các hộ là hoàn toàn khác nhau. "Hình như việc đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp nhận được hào hứng và đón chào của một số gia đình nhóm hộ kiêm nghiệp nhưng lại gặp sự thờ ơ, chống đối của nhóm hộ thuần nông". Trong khi một số ít gia đình nhóm kiêm nghiệp đầu tư mua sắm máy móc nông nghiệp (máy cày, máy suốt lúa), sử dụng nhiều phân bón hóa học và liên tục thay đổi giống cây con mới, thì nhóm thuần nông theo xu hướng ngược lại. Họ vẫn sử dụng lao động cơ bắp, sức kéo gia súc, phân bón hữu cơ, hạn chế dùng phân bón hóa học, thuốc cỏ, thuốc sâu và đặc biệt là họ ngại tiếp cận giống cây con và kỹ thuật sản xuất mới.

Di động nghề nghiệp: một chiến lược mới của nông dân (hộ hỗn hợp và phi nông)

Từ thực tế một bộ phận nông dân không quan tâm và thờ ơ với ruộng đất dẫn đến một xu hướng đang trở thành phổ biến là lao động nông nghiệp chuyển sang làm

các lĩnh vực phi nông nghiệp. Quan sát cho thấy các hoạt động kinh tế ngoài nông nghiệp đang hấp dẫn cuốn hút lực lượng lao động trẻ ở làng tham gia. Thế hệ trẻ (tuổi 18 đến 35) có xu hướng không kế tục nghề nông truyền thống của cha ông mà tìm việc ở lĩnh vực ngoài nông nghiệp. Họ đi làm công nhân cho các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, buôn bán và dịch vụ khác. Nhóm trung niên và người già (tuổi 50 trở lên) do hạn chế tuổi tác, họ không có khả năng di chuyển và gia nhập vào nhóm di cư. Họ trở thành lực lượng lao động chính tham gia sản xuất nông nghiệp ở địa phương. Thực tế này dẫn đến tình trạng lão hóa lao động nông nghiệp ở Liên Đàm. Hiện nay có biểu hiện thiếu lao động, đặc biệt là lao động trẻ khỏe vào các vụ cấy, gặt. Vào vụ mùa nhiều gia đình phải thuê mướn lao động từ các xã thuộc tỉnh Bắc Ninh đến làm với giá công ngày một cao hơn. Việc các hộ gia đình ráo riết tìm kiếm nghề, việc làm ngoài nông nghiệp dẫn đến xu hướng hộ thuần nông giảm mạnh. Theo ước tính của trưởng thôn, có 85% lao động ở làng tham gia lao động ngoài nông nghiệp, trong đó 25% lao động tại nhà (buôn bán dịch vụ), 40% ngoài xã (công nhân, cán bộ, buôn bán), 20% ngoài thành phố. Điều đáng chú ý là hàng ngày có số lượng lớn lao động trẻ tuổi làm việc ở bên ngoài làng nhưng tối họ trở về nhà. Thực tế này cho thấy, mặc dù những di động nghề nghiệp theo xu thế việc làm mới báo hiệu chiều hướng

ly nông sẽ gia tăng nhưng không có vấn đề gì đáng kể trong xu hướng ly hương kèm theo đó.

Phân hóa thu nhập

Di động nghề nghiệp dẫn đến sự phân hóa thu nhập ở Liên Đàm. Bảng giá ngày công lao động của các loại hình việc làm trong làng như sau: đối với khu vực sản xuất ngoài nông nghiệp bao gồm các việc như công nhân, buôn bán, làm thuê, dịch vụ sửa chữa, vận chuyển vật liệu xây dựng, tiền công đạt từ khoảng 50 đến 80.000đ/ngày, trong khi loại hình việc ở khu vực sản xuất nông nghiệp gồm các việc như làm đất, cấy, bón phân, làm cỏ và gặt lúa, giá công chỉ đạt khoảng từ 20 đến 30.000đ/ngày.

Quan sát cho thấy mức thu nhập có liên quan đến loại hình sản xuất và chiến lược kinh doanh của gia đình. Nhóm hộ gia đình có mức thu nhập thấp (hộ trung bình và nghèo) là do hoạt động sản xuất hướng về nông nghiệp. Mức thu nhập trung bình năm của thành viên thuộc nhóm hộ này chỉ đạt 2,5 đến 3,5 triệu đồng/người. Nhóm hộ có mức thu nhập cao (khá giả) hoạt động kinh tế phi nông nghiệp là chính. Mức thu nhập trung bình năm của thành viên nhóm hộ này khoảng 8 đến 10 triệu đồng/người.

Rất khó tính nguồn thu nhập của nhóm hộ giàu vì nhóm này có nhiều nguồn thu khác. Ví dụ, một số gia đình có nguồn trợ cấp từ người thân sống ở nước ngoài gửi về hàng năm. Một cán bộ thống kê trong làng đã ước tính các nhóm thu nhập như sau: "có 4 nhóm thu nhập: hộ giàu chiếm 8%, hộ khá giả 15%, hộ trung bình 70%, và nghèo 7%".

Cũng theo tính toán của cán bộ này, một gia đình hoạt động sản xuất phi nông nghiệp sau khi trừ chi phí lao động thu từ 35 đến 40 triệu đồng/năm, trong khi mức thu này ở hộ thuần nông chỉ đạt từ 5 đến 6 triệu đồng/năm. Như vậy, mức thu của hộ gia đình phi nông cao hơn khoảng 6 lần hộ thuần nông.

Một dấu hiệu khác cho thấy hộ nghèo ở Liên Đàm hiện nay rơi vào nhóm hộ yếu thế thiếu lao động (hộ gia đình có thành viên là thương binh, liệt sĩ, cao tuổi). Mặc dù địa phương thường xuyên thực hiện chính sách ưu tiên như cấp ruộng đất tốt, dễ canh tác, miễn giảm các khoản thuế và đóng góp xã hội, nhưng họ vẫn gặp rất nhiều khó khăn khi tiếp cận cơ hội phát triển kinh tế. Điều đáng quan tâm là sự chênh lệch thu nhập đang ngày càng đẩy xa khoảng cách mức sống, thân phận giữa các cá nhân và nhóm xã hội trong làng. "Chưa bao giờ chênh lệch mức sống giữa các gia đình lại có khoảng cách xa như hiện nay. Trước Đổi Mới, kinh tế của dân ở đây tương đối đồng đều nhau, anh này hơn anh kia chỉ là dư thóc, gạo hoặc một số đồ đạc trong nhà. Nhưng nay khác rồi, khoảng cách giàu nghèo là một trời một vực. Người ta so bì nhau không phải bằng thóc gạo mà là nhà cao cửa rộng, cùng tiện nghi sinh hoạt đắt tiền, có sổ tiết kiệm ở ngân hàng" (nam, nông dân, 67 tuổi). Đáng chú ý là các khác biệt thu nhập này đang là nhân tố chi phối mạnh mẽ sự hình thành các khuôn mẫu giá trị mới như kiến thiết nhà ở, chế độ ăn uống của các nhóm xã hội trong làng.

3.2. Hiện đại hóa nhà ở: Xu hướng ủng hộ và phản ứng

Để mô tả toàn bộ bức tranh nhà ở với những thay đổi của nó kể từ Đổi Mới cũng cần phải điểm lại những loại nhà đã và đang có mặt ở đây. Theo thống kê của chính quyền địa phương về các loại nhà ở Liên Đàm hiện nay cho thấy không còn hộ sử dụng nhà tranh tre, nhà ngói 20%, nhà trần 1 tầng 35%, nhà hai tầng trở lên 45%. Khi nguồn thu nhập tăng và có tích lũy thì việc kiến thiết, hiện đại hóa nhà ở là việc đầu tiên người dân quan tâm đến⁽⁵⁾. Sau hai mươi năm Đổi Mới, hầu hết gia đình đã có ít nhất một lần sửa chữa hoặc xây nhà mới, trong đó có 60% số hộ xây mới hoàn toàn. Vậy nhóm xã hội nào trong làng có điều kiện hiện đại hóa nhà ở và nhóm xã hội nào chưa thực hiện hiện đại hóa nhà ở và thái độ của các nhóm như thế nào?

Trào lưu xây dựng mô hình nhà ở mái bằng bắt đầu xuất hiện đầu những năm 1990. Theo thống kê hiện nay có khoảng hơn 2/3 gia đình xây nhà mái bằng 1 hoặc 2 tầng, trong khi chỉ còn gần 1/3 gia đình vẫn đang ở loại nhà truyền thống, không còn hộ gia đình sống ở nhà tranh vách đất. Hầu hết gia đình thuộc 2 nhóm giàu và khá đã cải tạo nhà. Chi phí cho xây một ngôi nhà kiểu mới từ 150 đến 200 triệu đồng, có ngôi nhà chi phí 450 triệu đồng.

Điều đáng quan tâm là cấu trúc và phân bố không gian của các khuôn mẫu nhà ở. Trong khi ngôi nhà truyền thống phân chia không gian từ 3 đến 5 gian, 2 gian nhà ngoài và 1 gian buồng dành cho phụ nữ; nhà kho, nhà bếp, khu phụ thường tách biệt khỏi ngôi nhà, thì nhà mái bằng hiện đại 2 hoặc 3 tầng, được thiết kế nhiều phòng theo chức năng riêng: phòng khách, phòng

bếp ăn, toilet và phòng ngủ. Nếu trước đây phòng thờ thường được sắp đặt ở gian giữa của ngôi nhà truyền thống thì hiện nay nó được đưa lên tầng thượng của ngôi nhà.

Điều đáng chú ý là quan sát tham dự cho thấy sự thay đổi khuôn mẫu từ nhà ở truyền thống sang hiện đại đã nảy sinh quan điểm và thái độ khác nhau của các nhóm ở làng. Hầu hết thế hệ trẻ ủng hộ xu hướng hiện đại hóa nhà ở (xây nhà cao tầng, có nhiều phòng), trong khi thế hệ cao tuổi lại ưa thích và chấp nhận mẫu hình nhà truyền thống hơn. Cùng với hiện đại hóa nhà ở, thay đổi cấu trúc không gian và hướng của ngôi nhà, đồ đạc và tiện nghi sinh hoạt hiện đại đạt tiền xuất hiện trong những ngôi nhà mới (ti vi, dàn karaoke, tủ lạnh, máy giặt, bếp gas,...), các tiện nghi có điều khiển từ xa cùng hệ thống dẫn điện được sắp xếp gọn gàng và đẹp mắt.

Hiện đại hóa nhà ở và tiện nghi sinh hoạt không chỉ cải thiện cuộc sống mà quan trọng hơn nó làm thay đổi mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. Sự phân chia không gian của ngôi nhà thành nhiều phòng khép kín, mỗi thành viên gia đình sẽ sử dụng một không gian riêng. Cách sắp xếp này ảnh hưởng nhiều đến đời sống riêng tư và mối quan hệ tương tác giữa các thế hệ trong gia đình.

3.3. Chăm sóc sức khỏe: chế độ ăn uống và bệnh tật

Chợ làng, thực đơn bữa ăn của một gia đình và bữa tiệc trong làng

Sau Đổi Mới chợ làng xuất hiện với nhiều loại hàng hóa. Điều quan trọng là nó đang góp phần làm thay đổi hành vi tiêu dùng

thực phẩm của người dân trong làng. Chợ nằm ở vị trí trung tâm của làng, nơi thuận tiện cho việc mua bán. Chợ họp 2 buổi một ngày, từ 9 giờ sáng đến 12 giờ trưa, chiều từ 16 đến 19 giờ, với nhiều mặt hàng: từ thực phẩm tươi sống cho đến các thực phẩm đóng hộp, chế biến sẵn.

Một phụ nữ bán hàng ở đây ước tính về số thực phẩm tiêu thụ trong ngày: lợn 80 kg, gà ngan vịt 35 kg, cá 30 kg, vài trăm trứng vịt gà, nhiều loại rau quả tươi, bia chai, bia hơi, nước ngọt, bánh kẹo. Số thực phẩm này được một số phụ nữ trong làng mang từ bên ngoài vào.

Vậy số thực phẩm ở chợ đã được dân làng tiêu thụ như thế nào? Có sự khác biệt trong việc mua bán thực phẩm này giữa các nhóm gia đình không?

Quan sát và ghi chép cho thấy có sự khác biệt trong mức chi phí ăn uống hàng ngày của các nhóm xã hội trong làng. Nhóm nghèo chi phí mua thức ăn 15.000đ đến 18.000đ cho hộ 4 người, trong khi mức chi này ở nhóm giàu là 80.000đ hộ 5 người (chưa tính chất đốt và các khoản chi khác). Nhìn thực đơn món ăn hàng ngày gia đình thuộc 2 nhóm giàu và nghèo cho thấy có sự khác biệt đáng kể. Thực đơn bữa ăn của gia đình giàu với 5 món ăn chủ yếu là: thịt, cá, bia, nước ngọt, và hoa quả tráng miệng; đây là những món ăn có hàm lượng dinh dưỡng cao. Trong khi đó thực đơn bữa ăn của gia đình nghèo vẫn chủ yếu là các món ăn chất bột thiếu dinh dưỡng; các món có hàm lượng dinh dưỡng cao như thịt cá hiếm khi xuất hiện trong bữa ăn hàng ngày. Một ngày gia đình nghèo thường chỉ ăn hai bữa, trong khi gia

đình khá giả ăn 3 bữa, có khi 4 bữa (ăn đêm).

Một khác biệt nữa thể hiện sự chênh lệch mức sống cũng phải kể đến là việc sử dụng chất đốt dùng để chế biến món ăn cho gia đình. Các gia đình khá giả sử dụng 100% gas để nấu ăn, trong khi gia đình có mức sống trung bình và nghèo vẫn sử dụng rơm, củi và than để nấu ăn hàng ngày.

Sự khác biệt trong ăn uống tất yếu dẫn đến khác biệt về tình trạng sức khỏe thể chất và bệnh tật của các nhóm xã hội trong làng. Chẳng hạn như tình trạng béo phì của một số thành viên gia đình khá giả, hay tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em trong các gia đình nghèo. Vấn đề này chúng tôi sẽ tiếp tục phân tích ở phần sức khỏe.

Cũng liên quan đến ăn uống, một khuôn mẫu mới hay là hiện tượng khác đang nổi lên ở làng hiện nay là việc tổ chức các bữa tiệc (cưới, mừng thọ, lễ tân gia, sinh nhật, ma chay và giỗ tết). Đó là sự biến mất các món ăn truyền thống và thay thế là các món ăn mới. Chẳng hạn, trong đám cưới ngày nay gia chủ không phải lo lắng chuẩn bị số lượng lớn trâu cau, chèo, thuốc, thế hệ người cao tuổi không còn thói quen ăn trâu như trước nữa. Thay vào đó gia chủ phải chuẩn bị món ăn và đồ uống sang trọng trên bàn tiệc (chim quay, hải sản, và đồ uống có gas như bia, rượu vang, rượu thuốc, nước ngọt, thuốc lá đầu lọc, bánh kẹo và hoa quả tươi). Đây là những món ăn mới và là khoản chi phí lo ngại nhất của gia chủ mỗi khi phải tổ chức việc đại sự.

Quan sát cũng cho thấy một thay đổi đáng kể về số lượng chủng loại thực phẩm sử dụng chế biến món ăn trong các bữa tiệc.

Đó là sự gia tăng đáng kể các loại thực phẩm tươi giàu chất đạm (protein) và chất béo (thịt gà, thịt lợn, hải sản...), các loại rau, thực phẩm đông lạnh, thực phẩm khô và các loại đồ uống: bia, rượu màu, nước ngọt và các loại hoa quả tươi.

Tuy nhiên, mức độ của các bữa tiệc phụ thuộc vào điều kiện kinh tế và quan hệ xã hội của mỗi gia đình. Chẳng hạn, tháng 11/2003 một cán bộ làm ở cấp huyện tổ chức đám cưới con gái to nhất làng. Số cỗ của đám cưới lên đến 250 mâm với nhiều món ăn đặc sản "sơn hào hải vị": gà, bò, chim, có cả yến xào, đồ uống: bia, rượu vang, thuốc lá ngoại, bánh kẹo và hoa quả tươi. Khách mời chủ yếu từ quan hệ công việc, tiệc trong 3 ngày. Tổ chức tiệc với nhiều món ăn đặc sản và khách mời quan trọng, gia chủ đã phải thuê đầu bếp giỏi chế biến món ăn, thuê biểu diễn văn nghệ hát có nhạc sống. Cùng tháng đó đám cưới của 1 gia đình nghèo khoảng 50 mâm, với những món ăn quen thuộc. Khách mời ăn tiệc chỉ là người thân trong dòng họ và xóm làng. Những quan sát và trò chuyện cho thấy nhóm hộ kinh tế nghèo không ủng hộ trào lưu đua tranh tổ chức cưới xin hiện nay, nhưng hộ kinh tế khá giả lại rất ủng hộ: "mỗi khi có công việc gia chủ phải lo lắng vất vả, khách đến phải có phong bì, không ai thích nhưng vẫn phải làm". Thực tế này cho thấy hình như chỉ thị về giảm tiền tang ma, cưới xin của chính quyền đưa ra không được người dân chấp nhận.

Sức khỏe thể chất và bệnh tật mới

Việc hiện đại hóa nhà ở, cải thiện bữa ăn, điều kiện lao động thay đổi (sử dụng máy móc nông nghiệp), thời gian nghỉ ngơi, giải

trí và các hoạt động hỗ trợ sức khỏe (thể thao, văn nghệ, du lịch) đã tác động đến tình trạng sức khỏe thể chất và chăm sóc sức khỏe của các nhóm xã hội trong làng. Nếu so sánh hiện nay với những năm trước Đổi mới, có 2 chỉ báo đáng ghi nhận: tuổi thọ trung bình của dân làng tăng lên (nam 75, nữ 78 tuổi); không còn nhiều trẻ em suy dinh dưỡng, còi xương (nam, 57 tuổi, cán bộ chuyên trách dân số).

Sự khác biệt nghề nghiệp, thu nhập, nhà ở, ăn uống và chế độ nghỉ ngơi vui chơi giải trí có ảnh hưởng đến sức khỏe, bệnh tật và hành vi khám chữa bệnh của các nhóm xã hội trong làng. Quan sát cho thấy xuất hiện các bệnh tật mới chủ yếu rơi vào nhóm khá giả trong làng. Số người béo phì tăng cao trong nhóm gia đình kinh tế giàu, khá giả. Bệnh huyết áp cao, tim mạch cũng khá phổ biến trong nhóm khá giả. Gần đây số người chết đột tử tăng đột biến do mắc phải bệnh cao huyết áp, tim mạch, tiểu đường, ung thư, chủ yếu xảy ra ở tầng lớp có đời sống kinh tế khá giả trong làng. Phải chăng do cuộc sống của nhóm này đã thay đổi, áp lực công việc, chế độ ăn uống quá nhiều tinh bột, chất ngọt, chất béo, các loại nước uống có ga: bia rượu, nước ngọt, trong khi đó ít vận động do phương tiện phục vụ cuộc sống gia đình thay đổi (xe máy, vật dụng gia đình như điều hòa, bếp gas, máy giặt,...) nên ít vận động hơn trước? Trong khi đó một số bệnh thường xảy ra đối với nhóm nghèo là nhức đầu, đau mỏi cơ, còi xương và ung thư.

Về hành vi chăm sóc sức khỏe, nhóm giàu thường xuyên kiểm tra sức khỏe ở các trung tâm y tế có uy tín và giá chi phí cao, trong khi nhóm nghèo do điều kiện kinh tế

và công việc bận nên không ý thức về việc kiểm tra sức khỏe. Họ hiếm khi tự đi kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm, do vậy khi phát hiện ra bệnh đã ở giai đoạn cuối thì họ mới chấp nhận khám và điều trị bệnh.

4. NHẬN XÉT VÀ BÀN LUẬN

Những dẫn chứng trên phần nào phác họa bức tranh về biến đổi khuôn mẫu xã hội ở Liên Đàm, một làng Việt cổ truyền ở ngoại ô Hà Nội thuộc châu thổ sông Hồng sau hai mươi năm Đổi Mới. Bức tranh này cho thấy Liên Đàm đang diễn ra nhiều biến đổi thể hiện trên mọi lĩnh vực và cấp độ của đời sống xã hội: từ khuôn mẫu tổ chức sản xuất, phân hóa thu nhập đến hiện đại hóa nhà ở, ăn uống và hành vi chăm sóc sức khỏe. Điều quan trọng là bức tranh này phản ánh sự tham gia, tiếp nhận, thích ứng và phản kháng khuôn mẫu xã hội của các nhóm xã hội trong làng.

Sau Đổi Mới, khuôn mẫu tổ chức sản xuất ở Liên Đàm phát triển theo 3 xu hướng khác nhau. Điều lý thú là nó cho thấy thái độ chấp nhận lĩnh vực sản xuất mới, và thờ ơ với ruộng đất, tiến bộ kỹ thuật mới của các nhóm hộ. Nó cũng cho thấy sự chuyển đổi lao động nghề nghiệp đang diễn ra mạnh mẽ từ lao động thuần nông chiếm vị trí độc tôn sang ưu thế thuộc về lao động phi nông nghiệp. Quá trình này dẫn đến hiện tượng bất thường trong cơ cấu lao động nghề nghiệp như tình trạng lão hóa lao động nông nghiệp. Vấn đề này không sớm điều chỉnh sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững nông thôn.

Việc thay đổi khuôn mẫu tổ chức sản xuất dẫn đến phân hóa thu nhập giữa các loại